

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L- ƠNG TÀI  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HS-ST

Ngày 30/11/2019

**NHÂN DANH  
N- ỨC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- ƠNG TÀI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Minh Phương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức H

Ông Nguyễn Xuân Quốc

***- Th- ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Trịnh Đình Giáp - Thư ký

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29, 30/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L- ơng Tài, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2019/TLST- HS ngày 28/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

**1. Đặng Đình T** - sinh năm 1991

HKTT: NT – Minh T – C – Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: NA; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt NA; Con ông Đặng Đ T2 và con bà Nguyễn Thị L1; Có vợ và 2 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 15/4/2019 được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

**2. Hoàng Văn L** - sinh năm 1981

HKTT: HT – Minh T – C – Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: NA; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt NA; Con ông Hoàng Văn Ngh và con bà Vũ Thị PH; Có vợ và 2 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 09/4/2019 được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

**3. Phạm Văn T** - sinh năm 1992

HKTT: VT – CV – CG – Hải Dương

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: NA; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt NA; Con ông Phạm Văn Th và con

bà Phạm Thị H; Chưa có vợ; Tiền án: Tại bản án số 02/2017/ HSST ngày 10/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện C xử phạt T 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tại bản án số 22/2017/HSST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử phạt T 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. T đã chấp Hnh xong hình phạt tù của cả hai bản án; Tiền sự: Không; Nhân Thân: Ngày 15/8/2012 T bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 15/4/2019 được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

**4. Phạm Văn H - sinh năm 1988**

HKTT: ĐT– Minh T – C – Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: NA; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt NA; Con ông Phạm Văn T và con bà Ngô Thị Đ; Có vợ và 3 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án: Tại bản án số 40/HSST ngày 20/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình đã xử phạt H 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng về tội “Đánh bạc”. H đã chấp Hnh xong thời gian thử thách; Tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 09/4/2019 được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

**5. Vương Phương H - sinh năm 1990**

HKTT: LH – LH – C – Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Giới tính: NA; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt NA; Con ông Vương Minh Đức và con bà Nguyễn Thị Lý; Có vợ và có 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân Thân: Năm 2009 bị Công an huyện C xử phạt về Hnh vi cố ý gây thương tích. Năm 2011 bị Công an huyện C xử phạt Hnh chính về Hnh vi đánh bạc. Năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 12 tháng tù về tội “Đe dọa giết người”, ngày 21/4/2014 H đã chấp Hnh xong bản án. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 09/4/2019 được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

**6. Vương Văn TH1 - sinh năm 1988**

HKTT: LH – LH – C – Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: NA; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt NA; Con ông Vương Tài Sứ và con bà Phạm Thị Thực; Có vợ và 2 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Đánh bạc”. TH1 đã chấp Hnh xong bản án. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 12/4/2019 được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

**7. Trần Văn S - sinh năm 1976**

HKTT: HT – Minh T – C – Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Giới tính: NA; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt NA; Con ông Trần Văn Tr và con bà Trần Thị Kh; Có vợ và 2 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010;

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 12/4/2019 được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

**8. Nguyễn Văn NA** - sinh năm 1982

HKTT: HT – Minh T – C – Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Giới tính: NA; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt NA; Con ông Nguyễn Công Ph và con bà Trần Thị H ; Chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 15/4/2019 được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

**9. Nguyễn Mạnh C1** - sinh năm 1992

HKTT: Hoàn Lộc – CV – CG – Hải Dương

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: NA; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt NA; Con ông Nguyễn Xuân V và con bà Nguyễn Thị Đ ; Có vợ và 2 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 12/4/2019 được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

**10. Đỗ Đăng N** - sinh năm 1990

HKTT: Nhất Trai – Minh T – C – Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: NA; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt NA; Con ông Đỗ Đăng Ng và con bà Tống Thị Th ; Có vợ và 2 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 15/4/2019 được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

**11. Phạm Đình H** - sinh năm 1995

HKTT: My Xuyên – MH – C – Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Giới tính: NA; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt NA; Con ông Phạm Đình Th và con bà Đặng Thị M; Có vợ và 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 12/4/2019 được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

**12. Nguyễn Văn K** - sinh năm 1980

HKTT: Đạm Trai – Minh T – C – Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: NA; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt NA; Con ông Nguyễn Văn C và con bà Nguyễn Thị T; Có vợ và 3 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 09/4/2019 được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN;**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 06/4/2019, Phòng PC 02 Công an tỉnh Bắc Ninh phối hợp với Công an huyện C bắt quả tang 12 đối tượng đang có Hnh vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền, bằng hình thức đánh ba cây tại nH kho chứa rom của Hoàng Văn L ở thôn HT, xã Minh T, huyện C, tỉnh Bắc Ninh gồm: Hoàng Văn L, Phạm Văn H, Nguyễn Văn K, Vương Phương H, Vương Văn TH1, Nguyễn Mạnh C1, Trần Văn S, Nguyễn Văn NA, Phạm Đình H, Đặng Đình T, Đỗ Đăng N, Phạm Văn T. Quá trình bắt quả tang đã thu giữ tang vật tại chiếu bạc được 16.300.000đ; 36 quân bài tú L1 khơ, 01 thăm hoa có viền màu đỏ. Thu giữ tại vị trí gần nơi các con bạc ngồi đánh bạc được 01 hòm tôn, bên trong có 1.500.000đ. Ngoài ra kiểm tra người các đối tượng đánh bạc thu giữ trên người tổng số 7.800.000đ và 11 chiếc điện thoại di động các loại.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, qua đầu tranh xét hỏi đã xác định được: Khoảng đầu tháng 4/2019, Đặng Đình T gọi điện cho Hoàng Văn L hỏi thuê nH kho chứa rom của L ở thôn HT, xã Minh T, huyện C làm địa điểm để tổ chức cho các con bạc đến đánh bạc. L đồng ý cho T thuê với giá là 200.000đ/01 ngày, hai bên thoả thuận khoảng vài ngày T sẽ đưa tiền thuê nH cho L một lần. Sau khi thuê được kho rom của L, T chuẩn bị 01 hòm tôn mang đến kho chứa rom để đựng tiền thu phé của các con bạc và 01 bộ bài tú L1 khơ 52 quân làm công cụ đánh bạc.

Đến trưa ngày 06/4/2019, T đến kho chứa rom xem có ai đến đánh bạc hay không thì thấy có Hoàng Văn L, Trần Văn S, Nguyễn Văn NA, Nguyễn Văn K đang ngồi uống nước. Sau đó, T chủ động sử dụng số thuê bao 0988.656.263 gọi điện cho một số người đến kho rom của T thuê để đánh bạc, cụ thể: Đến 11 giờ 21 phút T gọi điện cho Phạm Văn H; 14 giờ 17 phút T gọi điện cho Vương Văn TH1; đến 14 giờ 20 phút, Phạm Đình H chủ động gọi điện cho TH1 rủ TH1 đến kho rom T thuê để đánh bạc; 14 giờ 26 phút T chủ động gọi điện cho Đỗ Đăng N. Trong khi chờ các đối tượng đến thì Hoàng Văn L, Trần Văn S, Nguyễn Văn NA, Nguyễn Văn K, Đặng Đình T chơi đánh S vui không được thua bằng tiền. Sau đó có Phạm Văn H, Phạm Đình H, Vương Văn TH1, Vương Phương H, Nguyễn Mạnh C1, Phạm Văn T và Đỗ Đăng N đến kho rom. Thấy đông người đến, T bảo mọi người đánh ba cây ăn tiền thì các đối tượng đồng ý. T lấy bộ bài tú L1 khơ 52 quân đã chuẩn bị từ trước ra soạn bỏ hết các quân 10, J, Q, K còn lại 36 quân từ A đến 9. Các đối tượng đánh bạc quy định chống cửa đặt thấp nhất mỗi ván là 100.000 đồng. Người cầm chương sẽ đánh bạc với tất cả những người chơi còn lại. Sau khi mọi người đặt cửa xong, người cầm chương chia cho mỗi người chơi 03 quân bài (điểm 03 quân cộng lại tính điểm làm tròn theo thang điểm 10) để mọi người cộng điểm so sánh với người làm chương, người nào có điểm cao hơn, sẽ được người cầm chương trả số tiền bằng với số tiền đặt cửa. Nếu thấp điểm hơn người cầm chương thì bị mất số tiền đã đặt. Trường hợp nếu người cầm chương và người chơi có 03 quân bài cùng loại thì được gọi là sấp người thua trả số tiền gấp 3 lần số tiền đặt cửa. Khi người chơi được ăn sấp và được 10 điểm có át rô phải bỏ ra cho T 100.000đ, để vào hòm tôn. Các con bạc tham gia đánh ba cây được một lúc thì T thu tiền phé 100.000đồng/1 người chơi cất vào bên trong hòm tôn.

Các đối tượng đánh bạc đến 16 giờ thì bị bắt quả tang và bị thu giữ tang vật như trên. Tại cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận việc sử dụng tiền vào mục đích đánh bạc như sau:

- Hoàng Văn L trước khi đánh bạc có 2.000.000 đồng, L sử dụng T2 bộ số tiền để đánh bạc, quá trình đánh bạc T thu phé 100.000đ, số còn lại L đánh bạc đến khi lực lượng Công an bắt đã thua hết.

- Phạm Văn H tham gia đánh bạc mang theo 3.000.000đ. H dùng T2 bộ số tiền để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T thu của H 100.000đ tiền phé. Khi lực lượng Công an bắt quả tang, H bị chỉ còn lại 1.500.000đ H để dưới chiếu bạc và bị thu giữ.

- Vương Phương H mang theo 5.000.000đ và dùng T2 bộ số tiền để đánh bạc. Khi bị bắt H thắng được 300.000đ, H để T2 bộ số tiền dưới chiếu bạc và bị thu giữ hết

- Vương Văn TH1 mang theo 800.000đ, sử dụng T2 bộ số tiền đó để đánh bạc, T thu phé của TH1 100.000đ, còn lại 700.000đ TH1 đánh bạc lúc thắng, lúc thua. Khi cơ quan Công an vào bắt quả tang, một phần tiền TH1 đang sử dụng đánh bạc vẫn để dưới chiếu, còn 300.000đ TH1 cất giấu trên người thì bị thu giữ.

- Trần Văn S mang theo 4.000.000đ, dùng T2 bộ số tiền để đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc S thua 3.000.000đ. Khi bị thu giữ trên người S còn 1.000.000đ.

- Đỗ Đăng N mang theo 3.000.000đ và sử dụng T2 bộ số tiền đó để đánh bạc. N đánh ké cửa TH1 02 ván mỗi ván 500.000đ đều bị thua. Số tiền 2.000.000đ còn lại N để dưới chiếu bạc và bị thu giữ hết.

- Nguyễn Văn NA mang theo 500.000đ. NA bỏ T2 bộ số tiền đó ra để đánh bạc, quá trình đánh bạc T thu của NA 100.000đ tiền phé. NA chơi ké cửa mọi người và bị thua hết.

- Nguyễn Mạnh C1 tham gia đánh bạc mang theo 3.000.000đ. C1 bỏ T2 bộ số tiền ra để đánh bạc. Do sợ bị thua nên C1 nhờ T cầm bài và lên bài hộ. C1 đánh 02 ván mỗi ván 100.000đồng và thắng được 200.000đ. Khi bị bắt thu giữ trên người của C1 1.000.000đ. Số tiền 2.200.000đ còn lại C1 để dưới chiếu bạc và bị lực lượng Công an thu giữ

- Phạm Văn T mang theo 2.000.000đ nhưng không bỏ ra đánh bạc. T cầm bài hộ C1 02 ván, số tiền 2.000.000đ T mang theo đã giao nộp cho Cơ quan Công an.

- Nguyễn Văn K mang theo 3.000.000đ và bỏ T2 bộ số tiền đó ra để đánh bạc. Quá trình đánh bạc lúc thắng, lúc thua nhưng không rõ là bao nhiêu. Khi đang đánh bạc, K đưa cho T 100.000đ tiền phé, số tiền còn lại K đánh bạc bị thua hết.

- Phạm Đình H mang theo 2.000.000đ và bỏ T2 bộ số tiền đó ra để đánh bạc. Quá trình đánh bạc T thu của H 100.000đ tiền phé, khi bị bắt H đang thắng bạc. T2 bộ số tiền đánh bạc và thắng bạc là 3.000.000đ H để trên người và đã giao nộp cho Cơ quan Công an

- Đặng Đình T mang theo 800.000đ và bỏ T2 bộ số tiền đó ra để đánh bạc. Khi bị bắt thì T bị thua 300.000đ. Số tiền 500.000đ còn lại T để trên người và đã giao nộp cho Cơ quan Công an.

Như vậy tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc là: 23.600.000đ, bao gồm có: 16.300.000đ dưới chiếu bạc và 5.800.000đ thu trên người các con bạc xác định sử dụng vào mục đích đánh bạc và 1.500.000đ thu trong hòm tôn là tiền các con bạc lấy từ tiền sử dụng đánh bạc ra để nộp tiền phé cho T và tiền T thu được từ những ván bạc có đối tượng được ăn sập.

Tại bản cáo trạng số: 51/2019/CT — VKS - LT ngày 25/10/2019 của VKSND huyện L- ơng Tài đã truy tố Đặng Đình T về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự và tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Hoàng Văn L về tội “Gá bạc” theo điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự và tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Phạm Văn H, Phạm Văn T, Vương Phương H, Vương Văn TH1, Trần Văn S, Đỗ Đăng N, Nguyễn Văn NA, Nguyễn Mạnh C1, Phạm Đình H, Nguyễn Văn K về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận đầy đủ Hình vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện VKSND huyện L- ơng Tài sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của Hình vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

- Bị cáo Đặng Đình T phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”.
- Bị cáo Hoàng Văn L phạm tội “Gá bạc” và “Đánh bạc”.
- Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn H, Vương Phương H, Vương Văn TH1, Trần Văn S, Nguyễn Văn NA, Đỗ Đăng N, Nguyễn Mạnh C1, Phạm Đình H và Nguyễn Văn K phạm tội: “Đánh bạc”

□p dụng khoản 1 Điều 321, điểm a, c khoản 1 và khoản 3 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt: Đặng Đình T từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”, từ 12 đến 15 tháng tù và phạt bổ sung từ 20 đến 25 triệu đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc T phải chấp Hình hình phạt chung cho cả 2 tội từ 21 đến 27 tháng tù và phạt bổ sung từ 20 đến 25 triệu đồng .

□p dụng khoản 1 Điều 321, điểm b, c khoản 1 và khoản 3 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt: Hoàng Văn L từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”, từ 12 đến 15 tháng tù và phạt bổ sung từ 20 đến 25 triệu đồng về tội “Gá bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc L phải chấp Hình hình phạt chung cho cả 2 tội từ 21 đến 27 tháng tù và phạt bổ sung từ 20 đến 25 triệu đồng.

□p dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Phạm Văn H từ 09 đến 12 tháng tù và phạt bổ sung từ 18 đến 23 triệu đồng.

□p dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Phạm Văn T từ 09 đến 12 tháng tù và phạt bổ sung từ 18 đến 23 triệu đồng.

□p dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Vương Phương H, Vương Văn TH1 từ 12 đến 15 tháng tù và phạt bổ sung 18 đến 23 triệu đồng, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

□p dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Trần Văn S, Nguyễn Mạnh C1 từ 12 đến 15 tháng tù và phạt bổ sung từ 18 đến 23 triệu đồng, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Nguyễn Văn NA từ 09 đến 12 tháng tù và phạt bổ sung từ 18 đến 23 triệu đồng, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

□p dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Đỗ Đăng N từ 12 đến 15 tháng tù và phạt bổ sung từ 18 đến 23 triệu đồng, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

□p dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn K từ 25 đến 30 triệu đồng.

□p dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt: Phạm Đình H từ 25 đến 30 triệu đồng.

□p dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 36 quân bài tú L1 khơ, một chiếc hòm tôn đường kính 20cmx30cm, 01 chiếc thảm hoa có viền màu đỏ.

- Tịch thu sung quỹ NH nước: 23.600.000đ, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng đã qua sử dụng của bị cáo Hoàng Văn L; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng đã qua sử dụng của bị cáo Đặng Đình T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LG X power đã qua sử dụng của bị cáo Đỗ Đăng N; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu đen đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Văn H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Đình H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen đã qua sử dụng của bị cáo Vương Văn TH1.

- Trả lại: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung note 8 màu đen đã qua sử dụng cho bị cáo Nguyễn Văn NA; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu vàng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng đã qua sử dụng cho bị cáo Vương Phương H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3310 đã qua sử dụng cho bị cáo Nguyễn Văn K; số tiền 2.000.000đ cho bị cáo Phạm Văn T. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi Hình án.

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi Kiểm sát viên trình bày luận tội, các bị cáo nhất trí với bản luận tội và không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Kiểm sát viên không tranh luận gì thêm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa các bị cáo đã trình bày khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, biên bản bắt người phạm tội quả tang, người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do vậy đã đủ cơ sở xác định: Khoảng đầu tháng 4/2019, Đặng Đình T đã thuê kho chứa rơm của Hoàng Văn L ở thôn HT, xã Minh T, huyện C để tổ chức cho các con bạc đánh bạc. L đồng ý và thỏa thuận giá thuê là 200.000đ/01 ngày. Sau đó T chuẩn bị thảm, 01 hòm tôn mang đến kho rơm để dựng tiền thu phé của các con bạc và 01 bộ bài tú L1 khơ 52 quân bài làm công cụ cho các con bạc đánh bạc. Đến ngày 06/4/2019, T gọi điện cho Đỗ Đăng N, Vương Văn TH1, Phạm Văn H đến kho rơm để đánh bạc. Sau đó Phạm Đình H tiếp tục gọi điện cho Vương Văn TH1 rủ đến kho rơm của T thuê để đánh bạc. Đến khoảng hơn 14 giờ thì có các đối tượng: Hoàng Văn L, Phạm Văn H, Nguyễn Văn K, Vương Phương H, Nguyễn Mạnh C1, Vương Văn TH1, Trần Văn S, Phạm Đình H, Đỗ Đăng N, Nguyễn Văn NA, Phạm Văn T đến kho chứa rơm thì T chủ động rủ mọi người đánh bạc, hình thức đánh 03 cây sát phạt nhau bằng tiền thì các đối tượng đồng ý. Sau đó các đối tượng đánh bạc đến 16 giờ cùng ngày thì bị Công an bắt quả tang thu giữ tiền trên chiếu bạc là 16.300.000đ và thu giữ trên người số tiền chứng minh các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 5.800.000đ, thu giữ số tiền 1.500.000đ trong hòm tôn do T thu của các con bạc cùng một số tang vật khác. T cũng chưa trả tiền thuê nh cho L ngày nào. Như vậy tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 23.600.000đ (*hai mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn*).

Do đó, đã đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đặng Đình T phạm tội: “Tổ chức đánh bạc” vi phạm điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự và tội “Đánh bạc” vi phạm khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Hoàng Văn L phạm tội “Gá bạc” vi phạm điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự và tội “Đánh bạc” vi phạm khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Phạm Văn H, Phạm Văn T, Vương Phương H, Vương Văn TH1, Trần Văn S, Đỗ Đăng N, Nguyễn Văn NA, Nguyễn

Mạnh C1, Phạm Đình H, Nguyễn Văn K phạm tội “Đánh bạc” vi phạm khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trên địa bàn dân cư, gây nhiều bất bình trong quần chúng nhân dân, là loại tệ nạn xã hội thường dẫn đến các loại tội phạm khác như trộm cắp, cướp của.... Vì vậy cần áp dụng chế tài hình sự nghiêm khắc với các bị cáo mới có tác dụng giúp cho các bị cáo nhận ra lỗi lầm, cải tạo thành người có ích, ngăn chặn những hậu quả xấu của tệ nạn cờ bạc, đảm bảo trật tự xã hội.

Xét theo vai trò của từng bị cáo thì bị cáo Đặng Đình T là đối tượng đóng vai trò cầm đầu, chỉ vì hám lời mà bị cáo đã đi thuê nhà của người khác để làm địa điểm, sau đó chuẩn bị công cụ phương tiện như bài tú L1 khơ, thăm ngòi, hòm tôn và rủ các đối tượng đến địa điểm mình đã thuê để tổ chức đánh bạc ăn tiền trái phép để thu tiền hồ, số tiền dùng đánh bạc trong cùng một lần là trên 20 triệu đồng. Bên cạnh đó khi thấy các đối tượng đánh bạc ăn tiền thì T cũng tham gia đánh cùng các đối tượng khác. Do đó cần xử phạt nghiêm khắc với T về 2 tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc” tương xứng với Hành vi phạm tội của mình.

Cùng vai trò như T là Hoàng Văn L, cũng chỉ vì hám lời mà khi có người khác muốn thuê nhà để làm nơi đánh bạc L vẫn cho thuê để kiếm lời, số tiền các đối tượng dùng đánh bạc trong cùng một lần là trên 20 triệu đồng. Bên cạnh việc cho thuê nhà làm nơi đánh bạc thì L còn có Hành vi tham gia đánh bạc ăn tiền cùng các đối tượng khác tại chính nhà của mình cho thuê. Do đó cũng cần xử phạt nghiêm khắc với L về 2 tội “Gá bạc” và “Đánh bạc”.

Còn trong nhóm các đối tượng đánh bạc thì được xác định là đồng phạm và có vai trò vị trí như nhau, cùng phải chịu trách nhiệm trên số tiền dùng vào việc đánh bạc. Tuy nhiên, theo nhân thân và việc tham gia của các bị cáo thì cần xác định:

Trước hết là Phạm Văn T, là đối tượng có nhân thân xấu, mặc dù không lần nào bị xét xử về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nhưng hiện bị cáo vẫn có 2 tiền án, mới chấp nhận hình phạt tù xong được một thời gian ngắn nhưng khi thấy người khác đánh bạc thì bị cáo lại tham gia, mặc dù không bỏ tiền ra đánh nhưng bị cáo cũng dùng tiền của người khác để đánh. Điều đó cho thấy bị cáo T là đối tượng coi thường pháp luật, khó giáo dục nên cần phải xử phạt nghiêm khắc và cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nữa mới có tác dụng giáo dục riêng với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Cùng vai trò như T là Phạm Văn H, đối tượng có một tiền án về tội đánh bạc, vừa chấp nhận thời gian thử thách của án treo xong trong thời gian ngắn lại tiếp tục phạm tội đánh bạc. Điều đó cho thấy H cũng là đối tượng ham mê cờ bạc nên cũng cần phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Tiếp theo là Vương Phương H và Vương Văn TH1 là 2 đối tượng từng bị xử lý về hình sự. Tuy các bị cáo đều đã được xóa án tích nhiều năm; tội phạm H từng bị xử phạt tù là tội ít nghiêm trọng không phải là tội đánh bạc, gá bạc hay tổ chức đánh bạc; còn TH1 thì từng bị xử phạt về tội đánh bạc và mặc dù trước đây TH1

phạm tội đánh bạc nhưng theo Bộ luật hình sự hiện nay thì không bị coi là tội phạm (số tiền đánh bạc dưới 5 triệu đồng). Nhưng điều đó cũng thể hiện các bị cáo có nhân thân xấu hơn các đối tượng chưa có tiền án, tiền sự, nên cũng cần xử phạt nghiêm khắc với các bị cáo để giúp cho các bị cáo cải tạo, sửa chữa bản thân.

Đối với các đối tượng còn lại là Trần Văn S, Nguyễn Mạnh C1, Đỗ Đăng N, Nguyễn Văn NA, Phạm Đình H và Nguyễn Văn K đều là đối tượng có nhân thân tốt. Tuy nhiên cũng chỉ vì háms lợi mà các bị cáo đã tham gia đánh bạc ăn tiền trái phép. Nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trên tổng số tiền thu giữ tại chiếu bạc, cũng như số tiền của các bị cáo và Hnh vi phạm tội của mình.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Lần phạm tội này của Phạm Văn T và Phạm Văn H thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều khai báo tHnh khẩn và thực sự ăn năn hối cải. Ngoài T, L phạm 2 tội và T, Phạm Văn H, Vương Phương H, Vương Văn TH1 không phải phạm tội lần đầu ra, thì các bị cáo S, C1, N, NA, H và K đều được xác định là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. K có bố là liệt sĩ, có bà là mẹ Việt NA anh H. T có mẹ tham gia bảo vệ tổ quốc trong chiến tranh biên giới và có bà là mẹ Việt NA anh H. N có bố tham gia bảo vệ tổ quốc trong chiến tranh biên giới. Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử thì các bị cáo T, L, Vương Phương H, Phạm Văn H, TH1, H và K đều đã tự nguyện nộp một khoản tiền vào Chi cục thi Hnh án dân sự huyện C để đảm bảo thi Hnh tiền phạt và án phí. Nên khi l- ợng hinh cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với K; áp dụng điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với H, N; áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với S, C1 và NA; áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với T, L, TH1, Vương Văn H và Phạm Văn H; áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với T, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Căn cứ vào nhân thân, nơi cư trú và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an T2 xã hội thấy có thể cho bị cáo S, C1, N, NA, TH1, Vương Phương H được hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ giúp cho bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm; đối với H và K thì cho hưởng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ để giáo dục đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Ngoài H và K đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Còn các bị cáo T và L do phạm 2 tội nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền của tội “Tổ chức đánh bạc” đối với T và “Gá bạc” đối với L. Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với S, C1, N, NA, Vương Phương H, Vương Văn TH1 và Phạm Văn H. Đối với T do chỉ là người đánh hộ người khác nên không áp dụng hình phạt bổ sung với T.

Về vật chứng của vụ án: 36 quân bài tú L1 khơ, một chiếc hòm tôn đường kính 20cmx30cm, 01 chiếc thảm hoa có viền màu đỏ, được xác định là công cụ, phương tiện dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu tiêu hủy;

Số tiền thu trên chiếu bạc là 16.300.000đ, tiền các đối tượng nộp cho T trong hòm tôn là 1.500.000đ và thu trên người H là 3.000.000đ, của TH1 là 300.000đ, của S là 1.000.000đ, của T là 500.000đ và của C1 là 1.000.000đ được xác định là tiền đã, đang và sẽ dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ NH nước;

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng đã qua sử dụng của bị cáo Hoàng Văn L; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng đã qua sử dụng của bị cáo Đặng Đình T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LG X power đã qua sử dụng của bị cáo Đỗ Đăng N; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu đen đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Văn H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Đình H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen đã qua sử dụng của bị cáo Vương Văn TH1 được xác định là phương tiện dùng vào việc liên lạc trao đổi về việc đánh bạc và tổ chức đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ NH nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung note 8 màu đen đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn NA; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu vàng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng đã qua sử dụng của Vương Phương H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3310 đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn K; số tiền 2.000.000đ của bị cáo Phạm Văn T, được xác định là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên cần tuyên trả cho các bị cáo. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi Hình án.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** - Bị cáo Đặng Đình T phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”.

- Bị cáo Hoàng Văn L phạm tội “Gá bạc” và “Đánh bạc”.

- Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn H, Vương Phương H, Vương Văn TH1, Trần Văn S, Nguyễn Văn NA, Đỗ Đăng N, Nguyễn Mạnh C1, Phạm Đình H và Nguyễn Văn K phạm tội: “Đánh bạc”

□p dụng khoản 1 Điều 321, điểm a, c khoản 1 và khoản 3 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt: Đặng Đình T 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, 12 tháng tù và phạt bổ sung 20.000.000đ, về tội “Tổ chức đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc T phải chấp Hình hình phạt chung cho cả 2 tội là 21 tháng tù và phạt bổ sung 20.000.000đ. Thời hạn chấp Hình hình phạt tù tính từ ngày bắt thi Hình án (Được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 15/4/2019)

□p dụng khoản 1 Điều 321, điểm b, c khoản 1 và khoản 3 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật hình sự, xử phạt: Hoàng Văn L 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, 12 tháng tù và phạt bổ sung 20.000.000đ, về tội “Gá bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc L phải chấp Hnh hình phạt chung cho cả 2 tội là 21 tháng tù và phạt bổ sung 20.000.000đ. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày bắt thi Hnh án (Được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 09/4/2019)

□p dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Phạm Văn H 10 tháng tù và phạt bổ sung 10.000.000đ. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày bắt thi Hnh án (Được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 09/4/2019).

□p dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Phạm Văn T 10 tháng tù. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày bắt thi Hnh án (Được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 đến ngày 15/4/2019).

□p dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Vương Phương H 12 tháng tù và phạt bổ sung 10.000.000đ, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Vương Văn TH1 12 tháng tù và phạt bổ sung 10.000.000đ, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

□p dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Trần Văn S 12 tháng tù và phạt bổ sung 10.000.000đ, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Nguyễn Mạnh C1 12 tháng tù và phạt bổ sung 10.000.000đ, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Nguyễn Văn NA 10 tháng tù và phạt bổ sung 10.000.000đ, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

□p dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Đỗ Đăng N 11 tháng tù và phạt bổ sung 10.000.000đ, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 22 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

□p dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn K 25 triệu đồng.

□p dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt: Phạm Đình H 25 triệu đồng.

Giao bị cáo Nguyễn Mạnh C1 cho UBND xã CV, huyện CG, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Văn NA và Đỗ Đăng N cho UBND xã Minh T, huyện C, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Vương Phương H và Vương Văn TH1 cho UBND xã LH, huyện C, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi Hình án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm N vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp Hình hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

□p dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 36 quân bài tú L1 khơ, một chiếc hòm tôn đường kính 20cmx30cm, 01 chiếc thảm hoa có viền màu đỏ.

- Tịch thu sung quỹ NH nước: 23.600.000đ, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng đã qua sử dụng của bị cáo Hoàng Văn L; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng đã qua sử dụng của bị cáo Đặng Đình T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LG X power đã qua sử dụng của bị cáo Đỗ Đăng N; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu đen đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Văn H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Đình H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen đã qua sử dụng của bị cáo Vương Văn TH1.

- Trả lại: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung note 8 màu đen đã qua sử dụng cho bị cáo Nguyễn Văn NA; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu vàng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng đã qua sử dụng cho bị cáo Vương Phương H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3310 đã qua sử dụng cho bị cáo Nguyễn Văn K; số tiền 2.000.000đ cho bị cáo Phạm Văn T. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi Hình án.

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc Đặng Đình T, Hoàng Văn L, Phạm Văn T, Phạm Văn H, Vương Phương H, Vương Văn TH1, Trần Văn S, Nguyễn Văn NA, Đỗ Đăng N, Nguyễn Mạnh C1, Phạm Đình H và Nguyễn Văn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Xác nhận bị cáo Đặng Đình T đã tự nguyện nộp 10.200.000đ theo biên lai thu tiền số 004479 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi Hình án dân sự huyện C để đảm bảo thi Hình án.

Xác nhận bị cáo Hoàng Văn L đã tự nguyện nộp 10.200.000đ theo biên lai thu tiền số 004481 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi Hình án dân sự huyện C để đảm bảo thi Hình án.

Xác nhận bị cáo Phạm Văn H đã tự nguyện nộp 10.200.000đ theo biên lai thu tiền số 004477 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi Hình án dân sự huyện C để đảm bảo thi Hình án.

Xác nhận bị cáo Vương Phương H đã tự nguyện nộp 10.200.000đ theo biên lai thu tiền số 0004517 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi Hình án dân sự huyện C để đảm bảo thi Hình án.

Xác nhận bị cáo Vương Văn TH1 đã tự nguyện nộp 10.200.000đ theo biên lai thu tiền số 004476 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi Hình án dân sự huyện C để đảm bảo thi Hình án.

Xác nhận bị cáo Phạm Đình H đã tự nguyện nộp 20.000.000đ theo biên lai thu tiền số 004449 ngày 18/11/2019 của Chi cục Thi Hình án dân sự huyện C để đảm bảo thi Hình án.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn K đã tự nguyện nộp 10.200.000đ theo biên lai thu tiền số 004480 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi Hình án dân sự huyện C để đảm bảo thi Hình án.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Toà án tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện L- ơng Tài;
- THA huyện L- ơng Tài (khi án có hiệu lực);
- Bị cáo;
- L- u hồ sơ vụ án; Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lương Minh Phương**

**HTND**

**HTND**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Đức H**

**Nguyễn Xuân Quốc**

**L- ơng Minh Ph- ơng**















